

423. Chuyện Uy Lực Dục Tham (Tiền thân Indriya)

Người nào tuân lệnh dục tham...

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự quyến rũ của người vợ cũ đối với một Tỷ-kheo.

Chuyện kể rằng một thiện gia nam tử ở Sàvatthi (Xá-vệ) nghe giáo pháp của bậc Đạo Sư và nghĩ rằng thật khó cho một người tại gia có thể sống đời Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ và thanh tịnh, nên ông quyết định xuất gia tu hành theo giáo lý cứu độ để diệt tận khổ ưu. Vì thế ông để lại tài sản, nhà cửa cho vợ con, và thỉnh cầu bậc Đại Sư truyền giới xuất gia cho mình. Bậc Đạo Sư chấp thuận. Vì ông chỉ là Sa-di trẻ tuổi lúc khát thực cùng các vị giáo thọ, sư trưởng và Tăng chúng lại đông, nên ông không có được ghế ngồi trong nhà cư sĩ hoặc trong trai đường, mà chỉ có một ghế thấp nhỏ hoặc ngồi ở dãy ghế dài cuối chỗ các Sa-di.

Thức ăn chỉ được múc vôi vĩa cho ông bằng cái muỗng lớn: ông nhận món cháo tằm, các món cứng thì hôi hám hoặc hư nát, hoặc các cọng rau đã khô héo, cháy sém và phần ăn này không đủ nuôi sống ông.

Ông liền đem các món ăn nhận được về cho người vợ cũ mà ông đã rời bỏ. Nàng cảm lấy bình bát, kính chào ông, đổ hết các thứ ấy ra và thay vào món cháo nấu thật ngon và cơm trộn sốt cà-ri. Vị Tỷ-kheo bị lòng ham thích các hương vị ấy lôi cuốn nên không thể rời vợ.

Nàng suy nghĩ rằng nàng sẽ thử thách tình cảm của ông. Một hôm, nàng bảo một trai làng chải chuốt sạch sẽ và đến nhà nàng ngồi cùng một đám người nhà của y mà nàng đã mời, và nàng cho cả bọn ăn uống vài thứ. Cả bọn ngồi ăn chơi thỏa thích. Nàng lại bảo buộc đôi bò vào xe và chiếc xe đợi sẵn sàng ở cửa nhà. Còn chính nàng ngồi ở nhà sau nấu nướng bánh mứt.

Chồng nàng đi đến đứng ở cửa. Thấy vậy, một lão bộc trình bà chủ rằng có một Tỷ-kheo ở cửa. Nàng bảo:

- Hãy ra chào vị ấy và bảo vị ấy qua nhà khác.

Nhưng dù y đã làm vậy nhiều lần, y thấy vị Tỷ-kheo vẫn đứng yên nên y lại trình bà chủ. Nàng bước ra, vén tấm rèm lên nhìn và kêu lớn:

- Đây là cha bấy trẻ con tôi.

Nàng bước ra chào ông, vừa cảm lấy bình bát vừa mời ông bước vào, nàng đem thực phẩm cúng dường. Khi ông đã ăn xong, nàng lại kính lễ và nói:

- Thừa Tôn giả, nay Tôn giả là một bậc Thánh, trước kia chúng ta đã luôn chung sống cùng nhau trong ngôi nhà này. Song giờ đây, cuộc sống tại gia lại không thể thiếu người chủ nhà, vì vậy chúng ta sắp dời qua nhà khác và đi xa về vùng quê. Xin Tôn giả hãy nhiệt tâm làm thiện sự và tha thứ cho thiếp nếu thiếp làm điều sai trái.

Trong một lúc, chồng cũ của nàng cảm thấy như thể trái tim tan vỡ! Rồi ông đáp:

- Ta không thể rời nàng, xin nàng đừng đi. Ta sẽ trở lại đời thế tục. Hãy đưa cho ta y phục của người cư sĩ tại chỗ nọ, ta sẽ bỏ y bát và trở về với nàng.

Nàng đồng ý ngay. Khi vị Tỷ-kheo về tinh xá, trả bộ y bát lại cho vị giám hộ và giáo thọ, và khi được hỏi lý do, ông giải thích là ông không thể rời vợ và sắp trở lại đời thế tục. Dù ông không muốn, các vị ấy vẫn dẫn ông đến bậc Đạo Sư và kể cho ngài nghe rằng ông thối thác và muốn trở về đời thế tục. Bậc Đạo Sư hỏi:

- Chuyện này có thật chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Ai làm cho ông thối thác?

- Vợ cũ của con.

Này Tỷ-kheo, nữ nhân ấy là nguyên nhân gây tác nghiệp của ông. Chính vì kẻ ấy mà ngày xưa ông đã sa đọa khỏi bốn cảnh giới Thiên định, và rất khổ khổ. Sau nhờ ta, ông được giải thoát cảnh khổ và tái tạo công năng Thiên định mà ông đã mất.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con trai vị tế sư hoàng gia và bà vợ vị ấy cũng là nữ nhân Bà-la-môn. Vào ngày ngài ra đời, có làn ánh sáng của binh khí lóe sáng khắp kinh thành vì thế ngài được đặt tên Jotipàla (người hộ trì ánh sáng hay Hộ Minh).

Khi lớn lên, ngài học đủ mọi ngành nghề nghệ thuật tại Takkasilà và chứng tỏ tài năng trước vua. Nhưng ngài lại từ giã địa vị của ngài không báo cho ai biết, ngài ra đi bằng cổng sau, vào rừng trở thành vị khổ hạnh ở thảo am Kavithhaka, được gọi là Sakkadatiya. Ngài chứng đắc Thiên định viên mãn.

Trong khi trú tại đó, hàng trăm vị trí giả đến tham kiến hầu cận ngài. Ngài được một hội chúng đông đảo theo học và bầy đệ tử. Trong số ấy, trí giả Sàlissara rời thảo am Kavithhaka để đến xứ Surrattha và trú bên bờ sông Sàtodikà cùng hội chúng vài ngàn trí giả khác.

Mendissara cùng vài ngàn trí giả sống gần thị trấn Lambacùlaka trong quốc độ của vua Pajaka.

Pabbata cùng vài ngàn trí giả sống trong một xứ ở miền rừng núi.

Kàladevala cùng vài ngàn trí giả sống trong núi rừng ở Avanti và Decan.

Kisavaccha sống độc cư ở gần kinh thành Kumbhavati, trong ngự viên của vua Dandaki.

Anusissa là thị giả của Bồ-tát ở chung với ngài.

Nàrada, em của Kàladevala độc cư trong thạch thất giữa quốc độ Aranjara có nhiều núi non ở vùng Trung thổ.

Bấy giờ không xa nước Aranjara có một thị trấn rất trù phú. Thị trấn này có con sông cả, nơi nhiều đàn ông đến tắm. Dọc theo bờ, các kỹ nữ xinh đẹp thường ngồi quyến rũ đám mày râu.

Vị khổ hạnh Nàrada thấy một nàng kỹ nữ, đắm ra si tình, mất hết Thiên lực và héo mòn vì không ăn uống gì cả, cứ nằm dài trong lưới tình trói buộc suốt bảy ngày liền. Vị huynh trưởng Kàladevata nhờ quan sát biết nguyên nhân việc kia, liền phi hành qua không gian, vào biển động. Nàrada thấy vị ấy liền hỏi tại sao đến đây. Vị ấy đáp:

- Ta biết Hiền đệ bị bệnh nên đến chăm sóc đệ đây.

Nàrada giả dối bảo vị ấy đi về:

- Đại huynh chỉ nói chuyện không đâu, toàn là hư vọng, hão huyền.

Nhưng vị kia từ chối ra đi và còn đem theo ba vị Sàlissara, Mendissara và Pabbatissara đến đó nữa. Nàrada lại bảo tất cả ra về theo cách trên.

Kàladevala liền bay đi tìm Đạo Sư Sarabhangā và dẫn thầy đến đó. Khi bậc Đạo sư đến, ngài thấy Nàrada đã rơi vào lưới kèm tỏa của tham dục và hỏi có đúng vậy không. Nàrada đứng lên nghe lời ngài, kính lễ thầy và thú nhận sự việc. Bậc Đạo Sư bảo:

- Nay Nàrada, ai rơi vào lưới tham dục sẽ suy tàn trong khổ đau ở đời này và đời kế bị tái sinh vào địa ngục.

Rồi Ngài ngâm vần kệ đầu:

*1. Người nào tuân lệnh dục tham,
Mất hai thế giới, đời tàn về sau.*

Nghe vậy, Nàrada đáp:

- Bạch Tôn sư, mưu cầu tham dục là hạnh phúc. Tại sao Tôn sư lại gọi hạnh phúc ấy là khổ đau?

Đạo Sư Sarabhānya đáp:

- Vậy hãy nghe đây.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ hai:

*2. Hân hoan cùng với khổ đau
Vẫn thường dẫm bước lên nhau chẳng ngừng,
Con tình thấy chúng chuyển luân,
Hãy tìm hạnh phúc thật chân nhiệm mầu.*

Nàrada đáp:

- Bạch Tôn sư, khổ đau này thật khó chịu đựng. Con không thể kham nhẫn nó được.

Bậc Đại sĩ bảo:

- Nay Nàrada, khi khổ đau đến cần phải chịu đựng.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ ba:

*3. Người nào kham nhẫn đối đầu
Gian lao nhiếp phục khổ sầu bao phen,
Là người vững mạnh tiến lên
Niết-bàn, cực lạc, dứt phiền não xưa.*

Song Nàrada vẫn đáp:

- Bạch Tôn sư, hạnh phúc của dục tình là hạnh phúc tối cao, con không thể nào rời bỏ nó được.

Bậc Đạo Sĩ bảo:

- Không thể vì bất cứ lý do gì mà ta từ bỏ Giới hạnh.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tư:

*4. Con đừng phá hủy tiêu ma
Quãng đời Thanh hạnh, sa đà công năng,
Chỉ vì dục vọng tham sân
Cầu mong lợi dưỡng, đau buồn nhỏ, to.*

Sau khi Đạo Sư Sarabhangas đã tuyên thuyết Chánh pháp qua bốn vần kệ, trí giả Lâladevala muốn khuyên giáo tiêu đệ liên ngâm vần kệ thứ năm:

*5. Biết đời phiền lụy lo âu,
Thức ăn uống phải phát cho nhiều người.
Chẳng ham tích trữ tiền tài,
Chẳng sầu khi chúng hết thời tiêu tan.*

Vần kệ thứ sáu do bậc Đạo Sư ngâm phát xuất từ Trí tuệ Tối Thắng của Ngài liên hệ đến lời khuyên giáo của Devala đối với Nàrada:

*6. De-va Trí giả Hắc nhan
Giờ đây khuyên nhủ khôn ngoan nhất đời:
Ta không hề thấy có người
Kém hơn kẻ chịu vâng lời dục tham.*

Sau đó Thánh giả Sarabhangas cảnh báo:

Này Nàrada hãy nghe đây: kẻ nào trước tiên không muốn làm những gì đáng làm, về sau sẽ kêu khóc than van như chàng trai đi vào rừng thỏ xưa.

Rồi Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa trong một thị trấn ở thành Kàsi có một thanh niên Bà-la-môn, đẹp trai, mạnh khỏe, lực lưỡng như voi. Chàng suy nghĩ: "Tại sao ta phải nuôi cha mẹ bằng cách làm ruộng, hoặc phải lấy vợ sinh con, hoặc làm các thiện sự nọ kia? Ta chẳng muốn nuôi ai hoặc làm thiện sự gì cả, mà ta chỉ muốn vào rừng nuôi bản thân bằng cách săn nai".

Thế rồi với năm thứ vũ khí, chàng vào Tuyết Sơn giết nai ăn thịt rất nhiều. Ở vùng Tuyết Sơn chàng thấy một thung lũng rộng lớn tứ bề có núi bao bọc, bên cạnh bờ sông Vidhavà, chàng liền sống ở đó với thịt thú săn được và nấu trên than hồng. Chàng lại suy nghĩ: "Ta sẽ không được khỏe mạnh mãi đâu, khi ta già yếu, ta sẽ không phiêu bạt trong rừng. Nay ta muốn bắt nhiều loại thú hoang vào trong thung lũng này, làm công rào lại và chẳng cần phải lang thang trong rừng nữa, ta cũng sẽ giết chúng và ăn thỏa thích". Và chàng đã làm như vậy.

Thời gian trôi qua, chính điều ấy phải xảy ra, mọi thực tế của cuộc đời xuất hiện, chàng không còn sức điều khiển nổi tay chân, chàng không thể đi lại tự do đây đó, chàng không thể tìm được thức ăn uống, thân thể gầy gò khô héo như một bóng ma, lộ rõ mọi nếp nhăn nheo khắp mình như mặt đất mùa nắng. Chàng trở nên dị tướng, nhăn nheo, rã rời và vô cùng khổ sở.

Cũng như chàng kia, theo thời gian, vua nước Sivi, mệnh danh là Sivi, ước mong hưởng món thịt rừng nướng trên than hồng trong rừng già, liền giao phó quốc độ cho các đại thần, đem theo năm món vũ khí, đi vào rừng săn thịt nai để ăn. Vừa lúc vua đến chỗ ấy liền thấy người kia. Dù sợ hãi, vua cũng cố thu hết can đảm hỏi người kia là ai. Chàng đáp:

- Tâu Chúa công, tôi là một bóng ma đang hưởng nghiệp quả do tôi đã tạo. Thế Chúa công là ai?
- Ta là vua nước Sivi.
- Tại sao Chúa công đến đây?
- Để ăn thịt nai.
- Tâu Đại vương, tôi đã trở thành con ma trên đất vì tôi đã đến đây với mục đích ấy.

Rồi chàng kể đầy đủ chi tiết câu chuyện của chàng và để giải thích nỗi bất hạnh của mình, chàng ngâm các vần kệ cuối cùng:

*7. Chính tôi đây, hồi Quân vương,
Khác nào giữa chốn đấu trường địch quân,
Công lao, nghề nghiệp, tài năng,
Vợ con, nhà ở bình an một thời,
Đã tiêu tan hết cả rồi,
Tôi mang nghiệp quả ngay đời thế gian.*

8. Giờ tôi tôi tệ muôn vàn
Không người quyền thuộc, lang thang không nhà.
Từ đời chân chánh lạc xa,
Tôi như một cái bóng ma đọa đày.

9. Nay tôi phải sống cảnh này
Vì tôi tạo khổ nào thay vui mừng.
Quanh tôi như đám lửa bùng,
Tôi không cảm thấy trong lòng hân hoan.

Cùng với các vần kệ ấy, chàng nói thêm:

- Tâu Đại vương, do ham muốn dục lạc tôi đã tạo khổ đau cho nhiều loài khác và trở thành bóng ma ngay tại đời này. Xin Đại vương đừng gây ác nghiệp, xin hãy trở về kinh đô của Đại vương và thực hành thiện sự, bố thí cùng các phước nghiệp khác.

Nhà vua làm theo lời ấy và hoàn thành con đường lên Thiên giới.

Vị khổ hạnh xúc động vì lời tường thuật của Đạo Sư Sarabhangā về câu chuyện trên. Vị ấy được cảm hóa, rồi sau khi kính lễ Tôn sư và được ngài tha thứ, nhờ các pháp môn chân chánh, vị ấy tái tạo năng lực Thiên định đã mất. Đạo sư Sarabhangā không cho phép đệ tử ở lại đó nữa và đưa vị ấy cùng ngài về thảo am xưa.

*

Sau Pháp thoại, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy Nārada là Tỷ-kheo thối thất này, Sàlissara là Sàriputta (Xá-lợi-phất), Mendissara là Kassapa (Ca-diếp), Kaccāna (Ca-chiên-diên), Anusissa là Ānanda (A-nan), Kisavaccha là Moggallāna (Mục-kiền-liên) và Đạo Sư Sarabhangā chính là Ta.

-ooOoo-

424. Chuyện Ngọn Lửa Đốt Cháy (Tiền thân Āditta)

Thứ gì ta cứu thoát ra...

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên, về lễ vật cúng dường vô thượng. Lễ vật cúng dường tối thắng này được miêu tả đầy đủ trong tập Sớ giải Kinh Mahāgovindasutta (số 19, Trường bộ II)

Ngày hôm sau lễ cúng dường ấy, Tăng chúng bàn luận trong Chánh Pháp Đường:

- Nay các Hiền giả, vua Kosala sau khi xem xét kỹ, đã tìm được phước điền chính đáng và cúng dường lễ vật cao trọng lên Hội chúng do đức Phật đứng đầu.

Bậc Đạo Sư đến và được kể lại đề tài câu chuyện trong lúc các vị ngồi đây, Ngài bảo:

- Nay Tỷ-kheo, không lạ gì việc nhà vua, sau khi quan sát kỹ, đã cúng dường đại lễ vật vào phước điền vô thượng ở đời, các trí nhân ngày xưa cũng đã cúng dâng lễ vật như thế sau khi quan sát kỹ.

Rồi Ngài kể một câu chuyện ngày xưa.

*

Ngày xưa vua Bharata trị vì tại Roruva trong quốc độ Sovira. Vua thực hành Thập phương pháp, thu phục nhân tâm bằng Tứ nhiếp pháp, đối xử với quần chúng như cha mẹ đối với con, ban phát rộng rãi cho người nghèo, lữ hành, khát thực và những người đến cầu xin. Chánh hậu của ngài là Samuddavijaya đầy trí tuệ thông thái.

Một hôm ngài nhìn quanh các bộ thí đường và suy nghĩ: "Tặng vật của ta đều bị đám tham lam vô dụng ngốn ngấu cả. Ta không thích như vậy. Ta muốn cúng dường những vị Độc Giác Phật đức hạnh xứng đáng lễ vật tối thượng. Các vị hiện sống ở vùng Tuyết Sơn. Ai sẽ đem các vị ấy về đây theo lời thỉnh cầu của ta và ta sẽ nhờ ai lãnh sứ mạng này?"

Ngài nói chuyện với hoàng hậu, bà đáp:

- Tâu Chúa thượng, không nên quan tâm lo lắng. Cứ gửi hoa đi, nhờ uy lực lễ vật cúng dường xứng đáng của ta, nhờ đức độ và lòng thành tín của ta, ta sẽ thỉnh cầu vị Độc Giác Phật, và khi các vị đến, chính ta sẽ cúng dường lễ vật cùng các món cần thiết.

Vua đồng ý. Ngài ra lệnh đánh trống khắp kinh thành rằng tất cả dân chúng trong thành phải giữ giới, còn chính ngài và toàn thể hoàng gia đều giữ mọi phận sự của ngày trai giới, thực hành đại bố thí.

Ngài truyền đem đến một chiếc hộp bằng vàng đựng đầy hoa lài, từ hoàng cung bước xuống và đứng giữa triều đình. Tại đó ngài phủ phục với năm phần chạm xuống đất, đánh lễ về phương Đông và tung vải năm hoa cùng những lời nguyện:

- Đệ tử đánh lễ các Thánh giả ở phương Đông, Nếu đệ tử có chút công đức nào, xin các vị tỏ lòng từ bi thu nhận các lễ vật này.

Vì không có các vị Độc Giác ở phương Đông, nên hôm sau không vị nào đến.

Ngày thứ hai, ngài lại đánh lễ phương Tây, nhưng cũng không ai đến.

Ngày thứ ba, ngài lại đánh lễ phương Bắc, và sau khi đánh lễ, ngài tung bảy năm hoa cùng lời nguyện:

- Ước mong các vị Độc Giác ở vùng Tuyết Sơn thấu nhận các lễ vật cúng dường này.

Các hoa ấy bay đi xa rơi trên mình năm vị Độc Giác Phật ở động Nandamùla. Sau khi quan sát, các vị hiểu rằng quốc vương đã thỉnh cầu các vị, vì thế các vị gọi bảy vị trong số đó lại bảo:

- Nay các Tôn giả, vua thỉnh cầu các vị, xin hãy bày tỏ đặc ân cho ngài.

Các vị Độc Giác Phật này du hành qua không gian và hạ xuống hoàng môn. Khi thấy các vị, vua hân hoan đánh lễ, mời các vị thượng lầu, tỏ lòng tôn kính trọng thể và cúng dường các lễ vật.

Sau buổi thọ thực, ngài lại mời các vị hôm sau và cứ thế đến ngày thứ năm, vua thiết đãi suốt sáu ngày. Vào ngày thứ bảy, ngài chuẩn bị cúng dường mọi vật dụng cần thiết, sắp đặt bảo tọa và cắm đôn chạm vàng rồi đặt trước bảy vị Độc Giác các bộ ba y cùng các món ăn cần thiết của đời Thánh nhân.

Quốc vương cùng hoàng hậu trân trọng cúng dường các thứ này sau buổi thọ thực và đứng cung kính đánh lễ. Để phát biểu lời tùy hỷ công đức, vị Trưởng lão của hội chúng ngâm hai vản kệ:

*1. Thứ gì ta cứu thoát ra
Lửa đang đốt cháy nhà ta rụi dần,
Những gì sót lại sau cùng
Sẽ còn đó mãi riêng phần ta thôi.*

*2. Thế gian bùng cháy khắp nơi
Sanh, già, bệnh, chết làm mỗi lửa nhanh,
Cứu mình bằng các thiện hành,
Cúng dường bố thí để dành thật chân.*

Như vậy, bằng cách bày tỏ niềm hoan hỷ, vị Trưởng lão khuyến giáo vua tinh cần giữ đức hạnh. Sau đó vị ấy bay lên không gian, xuyên thủng qua góc nhọn của cung điện và hạ xuống động Nandamùla. Các vật dụng cần thiết đã được cúng dường đều bay lên theo vị ấy và hạ xuống động. Còn toàn thân quốc vương và hoàng hậu tràn đầy niềm hoan hỷ.

Sau khi vị ấy ra đi, sáu vị kia lần lượt nói lời tùy hỷ công đức qua mỗi vản kệ:

*3. Người nào bố thí chánh nhân
Kiên cường dũng lực, tinh cần tịnh tâm,
Vượt dòng nước lũ Ma vương,
Đạt nơi an trú kim đường cõi thiên.*

Vị thứ ba:

*4. Thiện hành nào khác trận tiền
Trước vài địch thủ, chạy liền ba quân.
Cúng dường với cả tín tâm
Đời sau hưởng lạc là phần ngài thôi.*

Vị thứ tư:

*5. Người cho làm đẹp ý trời,
Khôn ngoan xứng đáng làm voi nhọc nhằn
Cúng dường mang quả hưng long,
Cũng như hạt giống gieo vùng phì nhiêu.*

Vị thứ năm:

*6. Ai không hề nói lảm điều,
Tránh làm ác nghiệp hại nhiều chúng sinh,
Người đời gọi yếu, chê khinh,
Chính vì sợ hãi giữ mình thanh lương.*

Vị thứ sáu:

*7. Tạo nên phước nghiệp thông thường
Tái sinh nhân thế, quân vương oai quyền.
Phước nhiều đạt đến cõi thiên,
Công năng tối thượng đắc miền Tịnh Cư.*

Vị thứ bảy:

*8. Phước là bố thí đem cho,
Tuy nhiên Giáo pháp lợi to muôn phần,
Xưa nay chứng tỏ bao lần,
Nhờ đây bậc trí đạt toàn Lạc an.*

Sau đó các vị ra đi cùng với các vật dụng cần thiết đã được cúng dường .

Còn vị Độc Giác Phật thứ bảy, trong lời tùy hỷ công đức ấy, tán thán Niết-bàn bất diệt với vua và giáo hóa ngài một cách cẩn trọng xong, liền trở về cảnh cũ như đã nói trên. Quốc vương và hoàng hậu thực hành bố thí suốt đời nên đã hoàn thành con đường lên thiên giới.

*

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

- Như vậy các bậc trí thời xưa bố thí cúng dường có phân biệt.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy các vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn, Samuddavijaya là mẫu thân Ràhula (La-hầu-la) và vua Bharata chính là Ta.

-ooOoo-